TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **155**/2019/DS-PT
Ngày: 28-11-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết.
Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.
Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh-Kiểm sát viên.

Ngày 28-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST, ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2019/QĐ-PT, ngày 15-11-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà N**guyễn Thị N (N)**, sinh năm 1947. Địa chỉ: Số 48/1 ấp a, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Đinh Thị M** (tên gọi khác: Tám M), sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 386/8 ấp Số A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Đinh Thị M (Tám M) là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05-6-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2016, bà Đinh Thị M có mua phân bón và thuốc trừ sâu của bà và còn nợ số tiền 79.653.000 đồng, cụ thể: từ ngày 20-3-2012 âm lịch đến ngày 13-12-2013 âm lịch nợ 60.055.000 đồng; từ ngày 20-4-2014 âm lịch đến ngày 13-12-2013 âm lịch nợ 9.654.000 đồng; từ ngày 20-01-2015 âm lịch đến ngày 25-3-2015 âm lịch nợ 9.944.000 đồng. Trong số nợ này bà M chỉ trả được số tiền 4.000.000 đồng, còn

nợ lại 75.653.000 đồng, bà M hứa khi nào chuyển nhượng đất sẽ trả cho bà. Khi mua vật tư nông nghiệp tại đại lý của bà thì bà M nói làm ruộng 10 công, lượng vật tư nông nghiệp mỗi lần bà M mua cũng phù hợp với diện tích cần sử dụng, ví dụ như bà M mua một lần 30 gói thuốc Comcat, mà thuốc này sử dụng hai gói cho một bình phun máy, mỗi công ruộng phun hai bình mới đủ lượng. Việc bà M nợ và mua thuốc thì bà đều theo dõi chi tiết trong sổ sách, nhưng bà M không có ký tên vào sổ này để xác nhận nợ. Bà M cũng có một sổ theo dõi cũng do bà ghi chép nhưng khi bà yêu cầu bà M mang sổ ra để đối chiếu thì bà M không đưa ra mà nói đã làm mất. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà M phải trả cho bà số tiền 75.653.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13-12-2013 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà M phải trả cho bà số tiền 75.653.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01-6-2015 đến nay (đến ngày xét xử sơ thẩm).

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Đinh Thị M trình bày: Bà thừa nhận từ năm 2011 đến năm 2016 bà có mua vật tư nông nghiệp tại đại lý của bà Nguyễn Thị N (tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 24-9-2019 (bút lục 182) và tại phiên tòa sơ thẩm, bà M chỉ thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của bà N 02 năm là năm 2014, 2015), bà chỉ canh tác có ba công ruộng, tính đến năm 2016 bà chỉ nợ bà N 7.000.000 đồng. Mùa cuối cùng bà mua vật tư nông nghiệp của bà N thì bà N có chốt nợ nói bà còn nợ 7.000.000 đồng và có ghi vào sổ nhưng sau đó bà N yêu cầu bà đưa lại cho bà N nên hiện nay bà không còn giữ sổ mà bà N giao cho bà khi hai bên mua bán. Sổ theo dõi mà bà N đưa cho bà giữ thì cũng tự bà N viết vào đó, vì bà không biết chữ. Khi mua phân bón thuốc trừ sâu thì bà chỉ mua đủ cho một lần dùng, khi cần sử dụng mới mua tiếp, bà không mua nhiều để dự trữ. Khi mua hàng tại đại lý của bà N, sau khi thu hoạch lúa thì bà đều mang tiền đến trả, có khi trả chưa đủ, còn nợ lại từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ 7.000.000 đồng, bà đã trả cho bà N 4.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 3.000.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền mà bà còn nợ là 3.000.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440, 280, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc thay đổi một phần và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc bà Đinh Thị M có trách nhiệm trả tiền cho bà Nguyễn Thị N (N) số tiền vốn là 75.653.000 đồng và lãi là 52.389.703 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 128.042.703 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bốn mươi hai ngàn bảy trăm lẻ ba đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 15-10-2019, bị đơn bà Đinh Thị Mcó đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1].Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị M (Tám M) nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện K vào ngày 15-10-2019, là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị M về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N buộc bà M có trách nhiệm trả số tiền vốn 75.653.000 đồng và lãi là 52.389.703 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn bà N và bị đơn bà M đều thừa nhận bà N có bán vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu cho bà M với hình thức mua bán là khi mua bán thì lập hai sổ để theo dõi, mỗi bên giữ 01 sổ, các bên không ký nhận; hình thức thanh toán là trả gối đầu, vụ này mua, vụ sau trả tiền, nếu có tiền thì trả đủ, không đủ tiền thanh toán thì cho nợ lại, đây là hình thức mua bán vật tư nông nghiệp diễn ra phổ biến tại địa phương. Tuy nhiên, nguyên đơn bà N cho rằng bà M mua phân bón, thuốc trừ sâu của bà từ năm 2011 đến 2015 thì bà Nghỉ bán cho bà M, tính đến tháng 3-2015 âl thì bà M còn nợ số tiền là 75.653.000 đồng, sổ giao bà M do bà M giữ nhưng không đem ra để đối chiếu nợ nên bà yêu cầu bà M trả số tiền này và trả lãi từ ngày 01-6-2015. Phía bị đơn bà M thừa nhận chỉ mua phân bón, thuốc trừ sâu của bà N 02 năm là năm

2014, 2015 và chỉ còn nợ bà N số tiền 3.000.000 đồng, sổ theo dõi mua bán thì bà đã giao lại cho bà N, về tiền nợ thì không thỏa thuận lãi. Qua kết quả xác minh những người làm chứng gồm Nguyễn Văn H, Đoàn Thị T, Huỳnh Thị H là những người cùng mua vật tư nông nghiệp của bà N và không có quan hệ họ hàng với bà N (bút lục 183-185) thì xác định được bà M đã mua vật tư nông nghiệp của bà N là trên hai năm (cụ thể ít nhất 8-9 năm, nhiều nhất 20 năm), mặt khác tại biên bản hòa giải ngày 05-7-2019 (bút lục 142-143) bà M thừa nhận mua phân bón, thuốc trừ sâu của bà N từ 2011-2016, theo đó lời trình bày của bà N về thời gian mua bán hàng hóa nêu trên là có cơ sở. Bà M cho rằng bà chỉ canh tác 03 công đất nhưng tại biên bản xác minh ông Nguyễn Thanh Điền- cán bộ địa chính xã K (bút lục 187) xác định được hiện bà M đứng tên 04 thửa đất với diện tích 18.072m^2, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà M cũng thừa nhận chi phí canh tác mỗi vụ từ 1,2 đến 1,5 triệu đồng/công đất, từ đó cho thấy chi phí phân bón, thuốc trừ sâu mà bà M sử dụng đối với diện tích đất đang canh tác theo kết quả xác minh từ cán bộ địa chính tương ứng với thời gian mua hàng hóa nêu trên của bà N là rất lớn. Xét việc bà M cho rằng sổ theo dõi do bà N giao cho bà thì bà đã trả lại cho bà N khi chốt sổ tính nợ và chỉ nợ bà N 3.000.000 đồng, nhưng bà N không thừa nhận, bà M không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh và bà N có cung cấp được sổ mà bìa ngoài ghi là "Tám M", tức là ở địa phương gọi bị đơn là Tám M, sổ này đã ghi chép chi tiết về quá trình bị đơn bà M mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn bà N. Đối với việc tính lãi tiền thiếu của người mua, bà M xác định không có tính lãi, nhưng bà N xác định nếu vụ này mua, vụ sau trả mà không trả đủ hoặc còn thiếu lại thì sẽ tính lãi trên số tiền thiếu là 3%/tháng, lời trình bày của bà N phù hợp với lời trình bày của những người mua hàng hóa của bà N nên có cơ sở chấp nhận. Tại sổ theo dõi việc mua bán giữa bà N và bà M thể hiện số tiền bà M nợ khi mua phân bón, thuốc trừ sâu cả vốn và lãi là 166.809.000 đồng, nhưng bà N chỉ yêu cầu trả vốn 75.653.000 đồng và lãi suất theo quy định.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà M trả tiền vốn là 75.653.000 đồng, đồng thời buộc bà M trả tiền lãi cho bà N tương ứng tiến vốn, lãi suất theo quy định từ 01-6-2015 đến ngày 02-10-2019 (ngày xét xử sơ thẩm) với số tiền 52.389.703 đồng là có căn cứ. Xét kháng cáo của bà Đinh Thị M, đề nghị của Kiểm sát viên là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015và khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị M được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 289 và khoản 3, Điều 298 và khoản 6 Điều 313, Điều 289, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị M (tên gọi khác: Tám M). Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 57/2019/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440, 280, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận việc thay đổi một phần và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Đinh Thị M có trách nhiệm trả tiền cho bà Nguyễn Thị N (N) số tiền vốn là 75.653.000 đồng và lãi là 52.389.703 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 128.042.703 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bốn mươi hai ngàn bảy trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà M được miễn tiền án phí sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị Mđược miễn án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000949 ngày 15-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thái Rết